

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ Thông tin; Chuyên ngành: Khoa học máy tính

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Trịnh Viết Cường

2. Ngày tháng năm sinh: 02/9/1980; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Hoàng Anh, huyện Hoàng Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số nhà 16, Bà Triệu, Phường Bắc Sơn, Thành phố Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Trịnh Viết Cường, Khoa CNTT&TT, Trường Đại học Hồng Đức, 565 Quang Trung, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0948921740;

E-mail: trinhvietcuong@hdu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Chức vụ: Hiện nay: Phó Trưởng Khoa kiêm Trưởng Bộ Môn Khoa học máy tính, Khoa Công nghệ thông tin và truyền thông; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng Khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa

Địa chỉ cơ quan: 565 Quang Trung, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại cơ quan: 02373 3910222

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường

Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng TS ngày 05 tháng 6 năm 2014, ngành: Khoa học máy tính, chuyên ngành: Khoa học máy tính

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Paris 8, Cộng hòa Pháp

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Hồng Đức

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Mã hóa quảng bá (Broadcast encryption); Mã hóa dựa trên thuộc tính (Attribute-based encryption); Chữ ký điện tử (Digital Signature); Chuỗi khối (Blockchain)

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 4 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành 1 đề tài NCKH cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 23 bài báo KH, trong đó 9 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng 0 tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Chiến sĩ thi đua	Cơ sở	2018

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

Giảng dạy: Đảm bảo khối lượng và chất lượng giảng dạy theo quy định của Trường Đại học Hồng Đức như giảng dạy, hướng dẫn đồ án môn học, hướng dẫn thực tập, sinh viên nghiên cứu khoa học, luận văn cao học, ...

Nghiên cứu khoa học: Tham gia đề xuất, xây dựng thuyết minh và triển khai các đề tài khoa học, công bố công trình khoa học, tham gia các hoạt động khoa học trong và ngoài nước (hội thảo, hội nghị), tham gia vào hội đồng chương trình của các hội nghị quốc tế uy tín, phản biện cho các tạp chí uy tín trong và ngoài nước trong lĩnh vực, ...

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên *:

- Tổng số 12 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2007-2008					195		195/429/81,5
2	2014-2015					147		147/136,5/89,6
3	2016-2017					174	108	282/319,91/194,4
3 năm học cuối								
4	2017-2018					251	108	359/424,5/216
5	2018-2019			2		469	45	514/554,3/216
6	2019-2020			2		214	63	277/315,87/216

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Pháp năm 2013

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng Tiến sĩ nước ngoài

4. Hướng dẫn NCS, học viên CH, BSCK, BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Đỗ Thị Thanh Huyền		X	X		12/2017 đến 07/2018	Trường ĐH Hồng Đức	9/4/2019
2	Đỗ Thị Thu Hiền		X	X		12/2017 đến 07/2018	Trường ĐH Hồng Đức	9/4/2019
3	Trịnh Cẩm Vân		X	X		12/2017 đến 07/2018	Trường ĐH Hồng Đức	21/2/2020

4	Nguyễn Đức Thuận		X	X		12/2018 đến 07/2019	Trường ĐH Hong Đức	21/02/2020
---	------------------	--	---	---	--	---------------------------	-----------------------------	------------

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 0

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					

1	Nghiên cứu xây dựng giải thuật chứng thực chữ ký số dựa trên kỹ thuật Certificateless	CN	Không có mã số, cấp Cơ sở	01/4/2017 đến 01/4/2018	18/5/2018; Xuất sắc
---	---	----	---------------------------	-------------------------	---------------------

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Identity-based Trace and Revoke Schemes	2	Có	International Conference on Provable Security. Springer, Lecture Notes in Computer Science. ISI (Web of Science) và Scopus.ISBN: 978-3-642-24315-8		13	Volume 6980 , pages: 204-221	2011

2	Key-Leakage Resilient Revoke Scheme Resisting Pirates 2.0 in Bounded Leakage Model	2	Có	International Conference on Cryptology Africa. Springer, Lecture Notes in Computer Science. ISI (Web of Science) và Scopus. ISBN: 978-3-642-38552-0		1	Volume 7918 , pages: 342-358	2013
3	Optimal Public Key Traitor Tracing Scheme in Non-Black Box Model	4	Có	International Conference on Cryptology Africa. Springer, Lecture Notes in Computer Science. ISI (Web of Science) và Scopus. ISBN: 978-3-642-38552-0		4	Volume 7918 , pages: 140-155	2013
4	Multi-channel Broadcast Encryption	3	Có	ACM SIGSAC symposium on information, computer and communication security. ISBN: 978-1-4503-1767-2. ACM Press. ISI (Web of Science) và Scopus		6	, pages: 277-286	2013

Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ

5	A New Technique for Compacting Secret Key in Attribute-Based Broadcast Encryption	3	Có	International Conference on Cryptology and Network Security. Springer, Lecture Notes in Computer Science. ISI (Web of Science) và Scopus. ISBN: 978-3-319-48964-3			Volume 10063 , pages: 175-192	2016
6	An Efficient Certificateless Signature Scheme in the Standard Model	2	Không	International Conference on Information Systems Security ISBN: 978-3-319-49805-8. Springer, Lecture Notes in Computer Science. ISI (Web of Science) và Scopus		8	Volume 10063 , pages: 175-192	2016
7	Constant-Size Ciphertext Attribute-Based Encryption from Multi-channel Broadcast Encryption	2	Không	International Conference on Information Systems Security ISBN: 978-3-319-49805-8. Springer, Lecture Notes in Computer Science. ISI (Web of Science) và Scopus			Volume 10063 , pages: 193-211	2016
8	An Efficient Instance Hiding Scheme Encryption	3	Có	SoICT Conference. ISBN 978-1-4503-4815-7. ACM ICPS. ISI (Web of Science) và Scopus			, pages: 388-395	2016

9	A Cipher text- Policy Attribute- based Encryption Scheme With Optimized Ciphertext Size And Fast Decryption	3	Có	ACM SIGSAC symposium on information, computer and communication security. ISBN: 978-1-4503-4944- 4/17/04. ACM Press. ISI (Web of Science) và Scopus		15	, pages: 230-240	2017
10	An Attribute- based Broadcast Encryption Scheme For Lightweight Devices	3	Có	IET Information Security. ISSN: 1751-8709	Scopus Q2; - SCIE IF: 1.514	3	Volume 12 , issue 1, pages: 52-59	2017
11	Certificateless Public Key Encryption Made Practical	1	Có	Nafosted Conference. ISBN: 978-1-5386-3210- 9. IEEE Xplore. ISI (Web of Science) và Scopus		1	, Pages: 54-59	2017
12	A new Technique for Compacting Ciphertext in Multi- channel Broadcast Encryption and Attribute- based Encryption	4	Có	Theoretical Computer Science. ISSN 0304-3975	Scopus Q1; - SCIE IF: 0.718	3	Volume 732 , pages: 51-72	2018

13	Certificateless Public Key Cryptography in the Standard Model	2	Có	Fundamenta Informaticae. ISSN 0169-2968, 2018	Scopus Q2; - SCIE IF: 1.204	1	Volume 161 , no 3, pages: 219-248	2018
14	Anonymous Key Leakage Attack on Attribute- based Encryption	6	Có	Hội thảo quốc gia @. ISBN: 978-604- 67-1104-9			,	2018
15	Decentralized Ciphertext- policy Attribute- based Encryption Schemes for Lightweight Devices	4	Có	Computer Communications. ISSN: 0140-3664	Scopus Q2; - SCIE IF: 2.766	1	Volume 145 , pages: 113- 125	2019
16	A Short Server-Aided Certificateless Aggregate Multisignature Scheme in the Standard Model	1	Có	Security and Communication Networks. ISSN:1939-0114	Scopus Q2; - SCIE IF: 1.376	1	Volume 2019 , 14 pages	2019

17	A Ciphertext- Policy Attribute- based Searchable Encryption Scheme in Non- interactive Model	2	Có	Journal of Computer Science and Cybernetics (Tin học điều khiển). ISSN:1813- 9663	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		Volume 35 , pages: 233-249	2019
18	One Verifier Signature Scheme and Its Applications	2	Có	SoICT Conference. ISBN: 9781450372459. ACM ICPS. ISI (Web of Science) và Scopus			, pages: 261- 266	2019
19	Compacting Ciphertext in Multi- channel Broadcast Encryption and Attribute- based Encryption	4	Có	Theoretical Computer Science. ISSN 0304-3975	Scopus Q1; - SCIE IF: 0.718		Volume 804 , pages: 219- 235	2019
20	A New Approach to Keep the Privacy Information of the Signer in a Digital Signature Scheme	3	Có	Information (Switzerland). ISSN: 2078-2489	Scopus Q3; - ESCI		Volume 11 , 13 pages	2020

21	Decentralized Broadcast Encryption Schemes with Constant Size Ciphertext and Fast Decryption	3	Có	Symmetry. ISSN: 2073-8994	Scopus Q2; - SCIE <i>IF: 2.143</i>		Volume 12 , issue 6, 19 pages	2020
22	Wildcarded Identity-Based Encryption with Constant-size Ciphertext and Secret Key	3	Có	Journal of Wireless Mobile Networks, Ubiquitous Computing and Dependable Applications. ISSN: 2093-5374	Scopus Q2 - Scopus		Volume 11 , no 2, pages: 1-12	2020
23	Lattice Blind Signature with Forward Secrecy	7	Không	Australasian Conference on Information Security and Privacy. ISBN: Springer, Lecture Notes in Computer Science. ISI (Web of Science) và Scopus			Accepted; Best paper ,	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 9

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
----	--	-----------------	--------------------	-----------------------------	------------

Không có

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ				
1	Best paper award	Ban tổ chức hội nghị Australasian Conference on Information Security and Privacy - ACISP 2020	Không có; ngày 22/6/2020	7

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 1

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ	Vai trò	Cơ sở giáo dục đại học
Không có			

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: A new Technique for Compacting Ciphertext in Multi-channel Broadcast Encryption and Attribute-based Encryption

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tỉnh Thanh Hóa, ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)